

# ĐÓNG GÓP CỦA VỐN ĐẦU TƯ VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI TỈNH ĐỒNG NAI – TIẾP CẬN TỪ HÀM SẢN XUẤT DẠNG COBB- DOUGLAS

TS. Phạm Văn Thanh<sup>1</sup>

ThS. Nguyễn Thế Khang<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

*Trong bài viết, các tác giả tiến hành phân tích, đánh giá mức độ đóng góp của các loại nguồn lực cho sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đồng Nai. Cụ thể là nghiên cứu sự đóng góp của vốn đầu tư nhà nước, vốn đầu tư tư nhân trong nước; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp. Kết quả chỉ ra rằng: Các yếu tố vốn và lao động có đóng góp nhất định đến tăng trưởng kinh tế theo thứ tự mức độ giảm dần là vốn đầu tư nhà nước, vốn đầu tư tư nhân trong nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, lao động. Riêng năng suất nhân tố tổng hợp (trình độ công nghệ, năng suất lao động, trình độ quản lý...đây là chỉ tiêu biểu hiện cho chất lượng tăng trưởng kinh tế) trong giai đoạn 2000 đến 2014 chưa thể hiện sự đóng góp vào tăng trưởng của tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, theo số liệu nghiên cứu thì năng suất nhân tố tổng hợp ngày càng có xu hướng tiệm cận đến việc đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của địa phương.*

**Từ khóa:** *Vốn đầu tư nhà nước, vốn đầu tư tư nhân trong nước; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, Đồng Nai.*

### 1. Mở đầu

Tăng trưởng phản ánh sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế trong một giai đoạn nhất định (thường là 1 năm). Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng hàng đầu, có liên quan mật thiết đến các biến số vĩ mô. Tuy nhiên, nếu chỉ xem xét tăng trưởng kinh tế (TTKT) trên giác độ số lượng thu nhập tăng thêm thì chưa đủ. Thực tế cho thấy nhiều “loại” tăng trưởng không những không đem đến cho con người cuộc sống tốt đẹp hơn mà trái lại còn để lại những hậu quả không tốt mà các thế hệ tương lai phải gánh chịu.

Theo Nguyễn Thị Tuệ Anh và Lê Xuân Bá (2005), chất lượng tăng trưởng phản ánh nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, duy trì trong một thời gian dài, gắn với đó là quá trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và đảm bảo quyền tự do cho mỗi người.

Có thể tiếp cận chất lượng TTKT trên nhiều giác độ khác nhau như: theo nhân tố đầu vào, theo kết quả đầu ra, theo cấu trúc ngành kinh tế, theo năng lực cạnh tranh,... Bài viết này tập trung nghiên cứu chất lượng TTKT theo các nhân tố đầu vào cho tình huống tại tỉnh Đồng Nai – một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Việt Nam.

---

<sup>1,2</sup>Trường Đại học Đồng Nai

## 2. Các nghiên cứu trước đây về tăng trưởng kinh tế

Theo Nguyễn Quang Hiệp (2013), các nhà kinh tế học hiện đại cho rằng vốn, lao động và tiến bộ kỹ thuật là nguồn cơ bản của tăng trưởng kinh tế. Trong đó năng suất các nhân tố tổng hợp phản ánh sự gia tăng chất lượng lao động, chất lượng máy móc, vai trò của quản lý và tổ chức sản xuất. TFP phụ thuộc hai yếu tố: tiến bộ công nghệ và hiệu quả sử dụng vốn, lao động. Đây được xem là mức độ đo lường của tăng trưởng theo chiều sâu của nền kinh tế.

Việc nghiên cứu sự tác động của các yếu tố đến tăng trưởng kinh tế đã được rất nhiều các tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu. Các nghiên cứu rất đa dạng, khác nhau về không gian, thời gian và phương pháp luận. Từ đó có những nhận định khác nhau, thậm chí đối lập nhau về mức độ đóng góp của các yếu tố đến tăng trưởng. Gần đây, ở Việt Nam có những nghiên cứu về vấn đề này như sau:

- Nguyễn Xuân Thành (2003), tiếp cận phương pháp hạch toán tăng trưởng để tính toán đóng góp của vốn (đo lường bằng trữ lượng vốn trong nền kinh tế với tỷ lệ khấu hao 3%), lao động (đo bằng số lượng lao động trong nền kinh tế) và năng suất nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng GDP. Kết quả là vốn đóng góp cao nhất vào tăng trưởng kinh tế.

- Trần Thọ Đạt (2005) sử dụng chỉ tiêu tài sản tích lũy để đại diện cho yếu tố vốn với tỷ lệ khấu hao là 5% và loại trừ yếu tố chu kỳ kinh doanh khi tính toán tăng trưởng bằng cách ước tính GDP tiềm năng trong nền kinh tế. Nghiên cứu cho thấy năng suất nhân tố tổng hợp đóng góp khá cao vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 1986 – 2004.

- Lê Xuân Bá và Nguyễn Thị Tuệ Anh (2006), đã đưa yếu tố vốn con người vào phân tích tăng trưởng. Qua nghiên cứu bằng cách sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas cho nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 1990-2004 cho thấy hơn 90% tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế được giải thích bởi đóng góp của yếu tố vốn, con người và số lao động. Năng suất nhân tố tổng hợp chỉ đóng góp dưới 10% vào tốc độ tăng trưởng.

- Nguyễn Thị Cành (2009), thông qua ước lượng hệ số mũ của hàm sản xuất Cobb-Douglas để xác định tỷ phần thu nhập của vốn và lao động. Kết quả tính toán cho thấy trong 1% tăng lên trong GDP thì đóng góp của vốn là 73%, của lao động là 2,5% và năng suất nhân tố tổng hợp là 24,5%.

- Võ Thành Danh và Đặng Hoàng Thống (2011), khi nghiên cứu về ảnh hưởng của vốn, lao động và năng suất nhân tố tổng hợp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Cần Thơ đã chỉ ra rằng vốn là yếu tố chủ yếu, trong khi lao động và năng suất nhân tố tổng hợp đóng góp rất ít cho tăng trưởng kinh tế TP.Cần Thơ

- Nguyễn Quang Hiệp (2013), sử dụng hàm Cobb-Douglas để phân tích mức độ đóng góp của các nguồn lực đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2005-2012 đã cho thấy rằng vốn là yếu tố chủ yếu, trong khi lao động và đặc biệt là năng suất nhân tố tổng hợp đóng góp còn khiêm tốn cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy xu hướng năng suất nhân tố tổng hợp đóng góp ngày càng nhiều vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên.

Qua phân tích các nghiên cứu trước đây về sự đóng góp của các nhân tố đến tăng trưởng kinh tế cho thấy các nghiên cứu ít nhiều cũng có những nhân định không thống nhất nhau về mức độ đóng góp của các nhân tố. Sự khác biệt này có thể do phương pháp tính toán, biến số trong mô hình, không gian và thời gian nghiên cứu khác nhau... Do vậy, cần có những nghiên cứu thêm để có cái nhìn đầy đủ hơn về mức độ tác động, đóng góp của các nhân tố đến tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, tác giả tạo ra sự khác biệt với các nghiên cứu trước đó là phân rã vốn (K) trong nền kinh tế thành 03 loại nguồn vốn cấu thành là vốn đầu tư nhà nước (K1); vốn đầu tư tư nhân trong nước (K2); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (K3). Việc phân rã này với mục đích làm rõ hơn mức độ đóng góp của từng loại nguồn vốn đến tăng trưởng kinh tế để từ đó đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế thông qua sự đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp.

### 3. Mô hình nghiên cứu

Từ những nghiên cứu trước đây về các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế, thì một nền kinh tế đạt được tăng trưởng dựa vào 03 nhân tố chính: vốn (K), lao động (L) và năng suất nhân tố tổng hợp (A). Tác giả tiến hành phân rã vốn (K) của nền kinh tế thành 03 loại nguồn vốn cấu thành là vốn đầu tư nhà nước (K1); vốn đầu tư tư nhân trong nước (K2); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (K3). Tác giả sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas để tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu.

Hàm sản xuất Cobb-Douglas có dạng:  $Y = A.F(K_1, K_2, K_3, L)$ , trong đó:

Y: thu nhập của nền kinh tế, chỉ tiêu sử dụng là GDP (Gross Domestic Product), tổng sản phẩm quốc nội.

Với giả thiết hàm Cobb-Douglas là hàm liên tục theo thời gian và dưới góc độ toán học có thể biểu diễn tốc độ phát triển theo thời gian của Y (đạo hàm riêng theo thời gian (t)) như sau:

$$\frac{dY}{dt} = \frac{dA}{dt} F(K_1, K_2, K_3, L) + A \frac{dF(K_1, K_2, K_3, L)}{dt} \quad (1)$$

Ta có:

$$A \frac{dF(K_1, K_2, K_3, L)}{dt} = A \frac{dF}{dK_1} \frac{dK_1}{dt} + A \frac{dF}{dK_2} \frac{dK_2}{dt} + A \frac{dF}{dK_3} \frac{dK_3}{dt} + A \frac{dF}{dL} \frac{dL}{dt} \quad (2)$$

Thế (2) vào (1) ta có:

$$\frac{dY}{dt} = \frac{dA}{dt} F + A \frac{dF}{dK_1} \frac{dK_1}{dt} + A \frac{dF}{dK_2} \frac{dK_2}{dt} + A \frac{dF}{dK_3} \frac{dK_3}{dt} + A \frac{dF}{dL} \frac{dL}{dt} \quad (3)$$

Mà:

$$\frac{dY}{dK_1} = A \frac{dF}{dK_1}; \quad \frac{dY}{dK_2} = A \frac{dF}{dK_2}; \quad \frac{dY}{dK_3} = A \frac{dF}{dK_3}; \quad \frac{dY}{dL} = A \frac{dF}{dL}$$

Thế vào (3) ta được biểu thức như sau:

$$\frac{dY}{dt} = \frac{dA}{dt} F + \frac{dY}{dK_1} \frac{dK_1}{dt} + \frac{dY}{dK_2} \frac{dK_2}{dt} + \frac{dY}{dK_3} \frac{dK_3}{dt} + \frac{dY}{dL} \frac{dL}{dt}$$

Chia 2 về phương trình cho Y, ta được:

$$\frac{dY}{dt} \frac{1}{Y} = \frac{dA}{dt} F \frac{1}{Y} + \frac{dY}{dK_1} \frac{dK_1}{dt} \frac{1}{Y} + \frac{dY}{dK_2} \frac{dK_2}{dt} \frac{1}{Y} + \frac{dY}{dK_3} \frac{dK_3}{dt} \frac{1}{Y} + \frac{dY}{dL} \frac{dL}{dt} \frac{1}{Y} \quad (4)$$

Mà  $Y = A.F(K_1, K_2, K_3, L)$ , thế vào về phải phương trình(4), biến đổi, ta được:

$$\frac{dY}{dt} \frac{1}{Y} = \frac{dA}{dt} \frac{1}{A} + \left( \frac{\frac{dY}{dK_1}}{\frac{Y}{K_1}} \right) \frac{dK_1}{dt} \frac{1}{K_1} + \left( \frac{\frac{dY}{dK_2}}{\frac{Y}{K_2}} \right) \frac{dK_2}{dt} \frac{1}{K_2} + \left( \frac{\frac{dY}{dK_3}}{\frac{Y}{K_3}} \right) \frac{dK_3}{dt} \frac{1}{K_3} + \left( \frac{\frac{dY}{dL}}{\frac{Y}{L}} \right) \frac{dL}{dt} \frac{1}{L}$$

Ta có thể viết dưới dạng rút gọn lại phương trình thành mô hình nghiên cứu như sau:

$$G(Y) = G(A) + \alpha G(K_1) + \beta G(K_2) + \gamma G(K_3) + \delta G(L), \text{ Trong đó:}$$

$$\alpha = \left( \frac{\frac{dY}{dK_1}}{\frac{Y}{K_1}} \right) \text{ là hệ số co giãn của sản lượng theo vốn đầu tư nhà nước;}$$

$\beta = \left( \frac{\frac{dY}{dK_2}}{\frac{Y}{K_2}} \right)$  là hệ số co giãn của sản lượng theo vốn đầu tư tư nhân trong nước;

$\gamma = \left( \frac{\frac{dY}{dK_3}}{\frac{Y}{K_3}} \right)$  là hệ số co giãn của sản lượng theo vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

$$\delta = \left( \frac{\frac{dY}{dL}}{\frac{Y}{L}} \right) \text{ là hệ số co giãn của sản lượng theo lao động;}$$

$$G(Y) = \frac{dY}{dt} \frac{1}{Y} \text{ là tốc độ tăng của sản lượng Y (GDP);}$$

$$G(K_1) = \frac{dK_1}{dt} \frac{1}{K_1} \text{ là tốc độ tăng của vốn đầu tư nhà nước;}$$

$$G(K_2) = \frac{dK_2}{dt} \frac{1}{K_2} \text{ là tốc độ tăng của vốn đầu tư tư nhân trong nước;}$$

$$G(K_3) = \frac{dK_3}{dt} \frac{1}{K_3} \text{ là tốc độ tăng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;}$$

$$G(L) = \frac{dL}{dt} \frac{1}{L} \text{ là tốc độ tăng của lao động;}$$

$G(A) = \frac{dA}{dt} \frac{1}{A}$  là tốc độ tăng của năng suất nhân tố tổng hợp, được tính sau khi tính toán hết các chỉ tiêu trên theo công thức:  $G(A) = G(Y) - \alpha G(K_1) - \beta G(K_2) - \gamma G(K_3) - \delta G(L)$

Trên cơ sở tính toán các chỉ tiêu từ mô hình nghiên cứu, chúng ta sẽ tính được điểm phần trăm đóng góp của các yếu tố vào tốc độ tăng của GDP theo công thức như sau:

Điểm phần trăm đóng góp của A =  $G(A)/G(Y)$ ;

Điểm phần trăm đóng góp của K1 =  $\alpha G(K_1)/G(Y)$ ;

Điểm phần trăm đóng góp của K2 =  $\beta G(K_2)/G(Y)$ ;

Điểm phần trăm đóng góp của K3 =  $\gamma G(K_3)/G(Y)$ ;

Điểm phần trăm đóng góp của L =  $\delta G(L)/G(Y)$ ;

#### 4. Dữ liệu và giả định tính toán

Mô hình nghiên cứu được trình bày ở trên cần các dữ liệu để tính toán như tổng thu nhập quốc nội (GDP, theo giá so sánh 1994, đơn vị tính là tỷ đồng), vốn đầu tư tư nhân trong nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và lao động.

Dữ liệu nghiên cứu được lấy chính thức từ Tổng Cục Thống kê và Niên Giám Thống kê tỉnh Đồng Nai để phân tích nguồn gốc tăng trưởng của tỉnh Đồng Nai từ năm 2000 đến 2014

Yếu tố vốn (K1, K2, K3), là vốn đầu tư hàng năm từ các nguồn đầu tư như: Đầu tư từ nhà nước, đầu tư từ tư nhân trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đơn vị tính là tỷ đồng

Yếu tố lao động (L): Là lao động từ 15 tuổi trở lên trong tỉnh qua các năm. Đơn vị tính là ngàn người

Tổng sản lượng (Y): Là tổng thu nhập của tỉnh Đồng Nai qua các năm (GDP theo giá so sánh năm 1994). Theo niên giám thống kê từ 2010 đến nay, Tổng cục Thống kê lấy giá so sánh theo mức giá năm 2010, nên giá từ năm 2010 đến 2011 là giá quy đổi theo giá 1994 do Tổng cục thống kê cung cấp. Riêng giá năm 2012, 2013, 2014, tác giả tự quy đổi theo giá 1994 căn cứ vào tỷ lệ tăng trưởng GDP đã công bố.

Hệ số co giãn hay tỷ phần thu nhập các yếu tố K1, K2, K3, L được tính theo công thức như trên, giả định hiệu suất có thể thay đổi theo quy mô, tức là:  $\alpha + \beta + \gamma + \delta \neq 1$

#### 5. Thực trạng tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đồng Nai từ năm 2000 đến 2014

Đồng Nai là tỉnh có công nghiệp phát triển nhanh, sự phát triển ngành công nghiệp đã góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tỷ trọng GDP công nghiệp ngày càng chiếm cao trong cơ cấu kinh tế, đến cuối năm 2014, GDP công nghiệp chiếm 57,2% trong cơ cấu GDP toàn tỉnh.

Mức tăng trưởng GDP của tỉnh Đồng Nai luôn cao hơn mức tăng trưởng của cả nước, là một trong những tỉnh đứng đầu trong cả nước có mức tăng trưởng GDP cao, mức tăng GDP bình quân qua các năm từ 2000 đến 2014 là trên 13%. Trong đó, ngành công nghiệp – xây dựng tăng bình quân 14,9%/năm, thương mại – dịch vụ tăng bình quân 15%/năm, ngành nông – lâm – ngư nghiệp tăng bình quân 4,7%/năm. Tuy nhiên từ năm 2009 trở đi, do ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế tài năm 2008, tăng trưởng GDP của Đồng Nai có xu hướng giảm dần, nhưng có dấu hiệu phục hồi từ năm 2012.

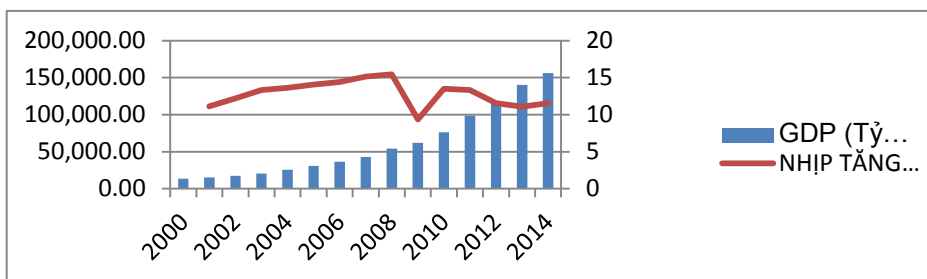
### 5.1. GDP và nhịp tăng trưởng kinh tế

Giai đoạn 2000-2007, kinh tế Việt Nam có nhiều đổi mới kích thích tăng trưởng, nhịp tăng ở mức cao từ 6,5% năm 2000 đến mức trên 8% năm 2007. GDP Đồng Nai nhịp tăng cũng tương tự như cả nước. Tuy nhiên tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Đồng Nai giai đoạn này trung bình là 13.41%, cao gần gấp đôi so với cả nước.

Giai đoạn 2008-2009, kinh tế thế giới và khu vực một lần nữa lại bị ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu. Đã có nhiều đánh giá khác nhau về thách thức và cơ hội vào thời gian này. Thực tế, chỉ tiêu kinh tế quan trọng nhất của nền kinh tế phản ánh rõ ảnh hưởng xấu của khủng hoảng đến nền kinh tế Việt Nam. Đồng Nai cũng nằm trong xu hướng chung của cả nước. Trong giai đoạn cuối 2007 đến cuối 2009, nhịp tăng trưởng GDP có chiều hướng đi xuống.

Giai đoạn 2010 đến cuối 2014, Việt Nam được coi là thoát khỏi khủng hoảng, nhịp tăng trưởng của GDP Đồng Nai có dấu hiệu phục hồi tuy không vững chắc. Tăng trưởng chậm lại trong năm 2011 và 2012 đã dấy lên những quan ngại về nguy cơ suy giảm sâu hơn và sẽ cần nhiều năm để hồi phục về giai đoạn trước suy giảm. Với tốc độ tăng trưởng năm 2013, 2014, so sánh với mức tăng của các năm trước, thì biểu hiện của sự trầm lắng là rõ ràng và nền kinh tế không dễ đạt trở lại mức tăng của giai đoạn trước suy giảm. Hình 5.1. phản ánh xác thực biến động của nhịp tăng GDP theo thời gian.

**Hình 5.1.** GDP và tăng trưởng GDP từ năm 2000 đến 2014



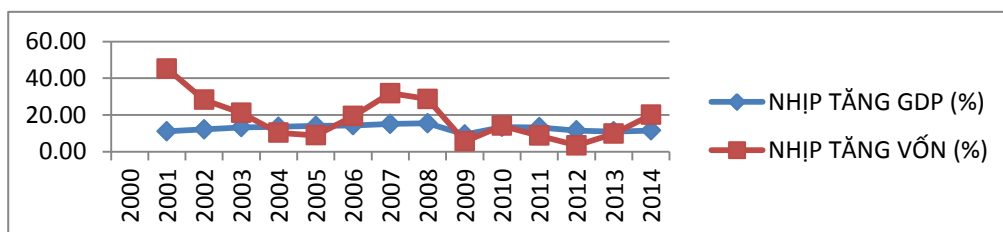
Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 5.2. Quan hệ giữa tăng trưởng vốn đầu tư và tăng GDP

Vốn đầu tư cho Đồng Nai tăng trong suốt thời kỳ 2000-2014 mặc dù các cuộc khủng hoảng trong thời kỳ này cũng đã làm cho nhịp tăng không ổn định. Có thể thấy sau khủng hoảng 2007-2008 vốn đầu tư đã bắt đầu giảm mạnh. Vấn đề của nền kinh tế trong đầu tư vốn chính là hiệu quả. Hiệu quả này trước hết có thể đo bằng nhịp tăng GDP. Có những thời kỳ vốn đầu tư tăng nhanh nhưng kết quả tăng GDP

chưa tương xứng. Điều này cho thấy nền kinh tế vẫn chưa thực sự thoát khỏi tăng trưởng theo chiều rộng để chuyển sang hình thái tăng trưởng theo chiều sâu. Hình 5.2, mô tả quan hệ biến động theo thời gian của hai chỉ tiêu quan trọng này.

**Hình 5.2.** Quan hệ giữa nhịp tăng của vốn đầu tư và GDP từ 2000 đến 2014



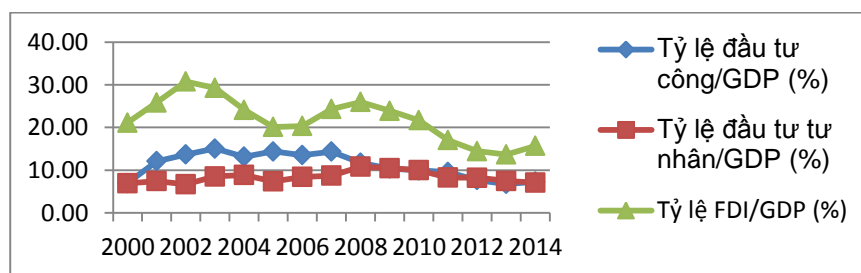
Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 5.3. Tỷ phần các nguồn đầu tư trên GDP

Trong giai đoạn từ năm 2000, Đồng Nai theo đuổi mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn đầu tư, tổng đầu tư toàn xã hội liên tục tăng và duy trì ở mức cao. Tỷ lệ vốn/GDP đã tăng từ 35,05% năm 2000 lên 52,91% năm 2003 và đến năm 2014 giảm xuống còn 30,10%, bình quân cho cả giai đoạn 2001-2014 là xấp xỉ 36,81%.

Qua các năm, tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của các khu vực đều thường cao hơn nhiều tốc độ tăng trưởng GDP. Trong 15 năm từ 2000 đến 2014, tỷ lệ vốn của là khu vực kinh tế tư nhân trung bình gần 8,3% so với GDP; vốn đầu tư khu vực nhà nước là 9,5% và cuối cùng là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 18,88%. Về cơ cấu nguồn vốn đầu tư ở tỉnh Đồng Nai thì FDI là cao nhất, sau đó đến đầu tư công và đầu tư tư nhân trong nước. Từ giai đoạn 2009 trở về sau, vốn đầu tư tư nhân có phần tương đương với vốn đầu tư công về quy mô, và có xu hướng vượt hơn vốn đầu tư công. Điều này là đáng mừng, cho thấy đầu tư tư nhân trong tỉnh đang được khơi thông, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững. Riêng vốn FDI từ năm 2009 có xu hướng giảm sâu. Nguyên nhân xuất phát từ sự khủng hoảng tài chính châu Á, mà các doanh nghiệp FDI đầu tư ở Đồng Nai đa số từ các nước châu Á. Đây là một tổn thất cho tăng trưởng kinh tế của địa phương. Tuy nhiên từ năm 2013 có dấu hiệu tăng trưởng trở lại. (Xem Hình 5.3)

**Hình 5.3.** Tỷ phần vốn đầu tư/GDP



Nguồn: Tổng cục Thống kê

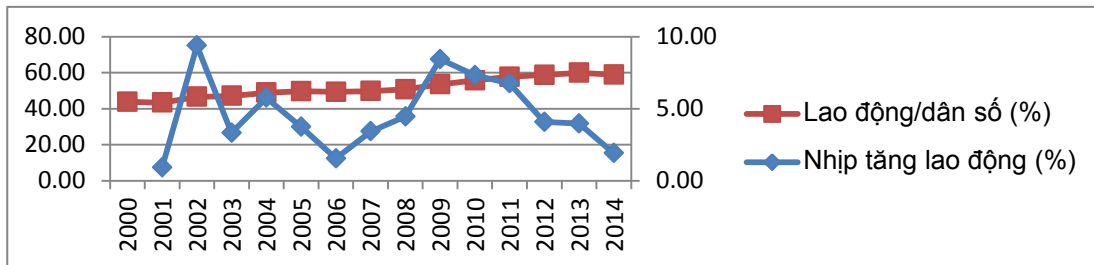
### 5.4. Tình trạng lực lượng lao động.

Ở Việt Nam cũng như tỉnh Đồng Nai, trong quá trình phát triển kinh tế, bên cạnh những giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đã chú trọng nhiều biện pháp tạo việc

làm cho người lao động – việc làm cho lao động là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị xã hội. Số người lao động trong độ tuổi chiếm tỷ lệ cao và ngày một tăng. Lực lượng lao động trong tỉnh năm 2014 là gần 1,7 triệu người. Tỷ lệ bình quân lao động trên tổng dân số từ 2000 đến 2014 là 52,11%.

Lao động được xem xét trong đề tài là người lao động trên 15 tuổi đang làm việc trong nền kinh tế. Nhìn vào Hình 5.4 ta thấy, tỷ lệ lao động trên dân số có xu hướng tăng qua các năm, nhưng nhịp tăng thì không đồng đều giữa các năm, đặc biệt là giai đoạn từ 2009 đang có xu hướng giảm, đây là điều đáng lo ngại cho việc tăng trưởng kinh tế.

Hình 5.4. Tỷ lệ lao động và nhịp tăng giai đoạn 2000 – 2014.



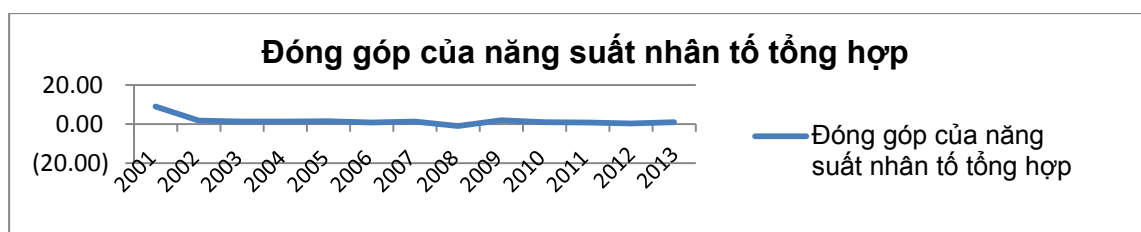
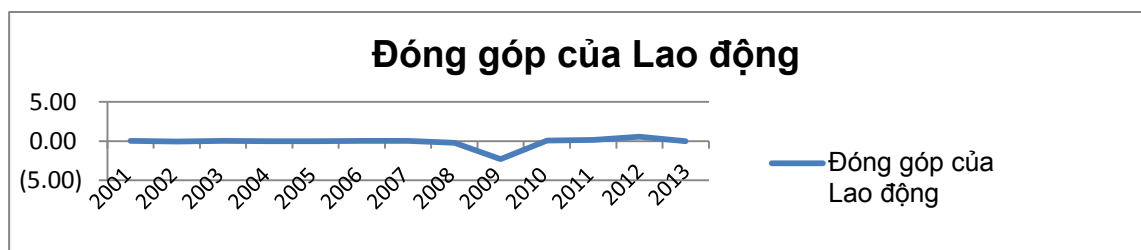
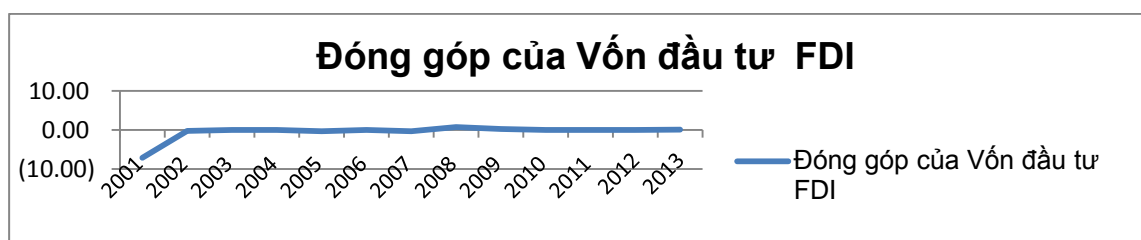
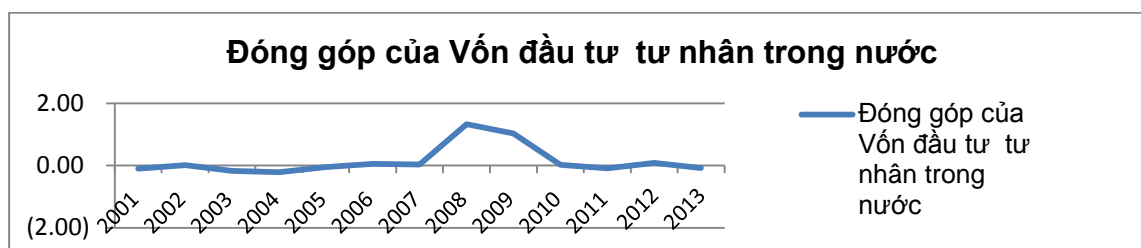
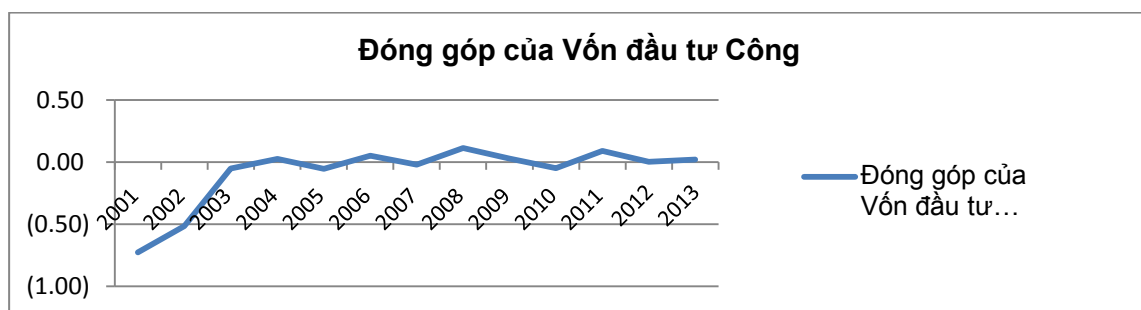
Nguồn: Tổng cục Thống kê

## 6. Kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở số liệu được cung cấp bởi Tổng cục Thống kê về tình hình vốn đầu tư, lao động và GDP tại tỉnh Đồng Nai từ năm 2000, đến năm 2014, kết hợp với mô hình được xây dựng tại phần 4, tác giả thực hiện tính toán kết quả nghiên cứu tại bảng Phụ lục kèm theo bài viết này.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2014, mức tăng trưởng của tỉnh Đồng Nai luôn đạt mức tăng trưởng cao từ 9% đến 16%, trung bình trên 13%/năm. Mức tăng của các nguồn vốn đầu tư luôn cao hơn mức tăng của lao động. Tốc độ tăng của vốn đầu tư nhà nước thấp nhất là 10%, cao nhất là 95%. Mức tăng trung bình của vốn đầu tư nhà nước là 25%, vốn đầu tư tư nhân trong nước là 24%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 19% và lao động là 0,05%. Riêng chỉ có năm 2007, 2008, mức tăng thấp do chính sách hạn chế chi tiêu công của chính phủ để kiềm chế lạm phát. Nhưng nhìn chung mức tăng của vốn đầu tư nhà nước luôn cao hơn mức tăng của vốn đầu tư tư nhân trong nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Xu hướng đóng góp của từng yếu tố đến tăng trưởng kinh tế tại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000-2014 được thể hiện ở bảng sau:





Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Đóng góp cho tăng trưởng GDP từ giai đoạn 2000 đến 2014 là vốn đầu tư tư nhân trong nước và năng suất nhân tố tổng hợp. Các yếu tố như FDI, lao động và đầu tư công chưa thể hiện sự đóng góp trong tổng thể cả giai đoạn nghiên cứu.

- Đối với đầu tư công, trước năm 2004 chưa đóng góp và tăng trưởng, từ năm 2004 trở về sau thì thể hiện có đóng góp, nhưng không mang tính ổn định.

- Đầu tư tư nhân trong nước luôn thể hiện sự đóng góp vào tăng trưởng, mang tính ổn định. Trong giai đoạn 2007 đến 2010 có sự đóng góp vượt bậc, mặc dù nền kinh tế thế giới đang bất ổn trong giai đoạn này.

- Vốn đầu tư nước ngoài được kỳ vọng là có sự đóng góp tích cực và chiếm tỷ trọng cao trong các nguồn lực đóng góp vào tăng trưởng. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thì ngược lại kỳ vọng. Tổng thể cả giai đoạn nghiên cứu, FDI không đóng góp cho tăng trưởng. Từ năm 2003, FDI tiệm cận đến việc đóng góp, tuy nhiên, đóng góp chưa mang tính ổn định và kém hơn so với đầu tư tư nhân trong nước.

- Lao động luôn tiệm cận với việc đóng góp vào tăng trưởng. Tuy nhiên giai đoạn 2008 đến 2011 có sự sụt giảm đáng kể đóng góp vào tăng trưởng. Đây là thời kỳ nền kinh tế Việt Nam nói chung và thế giới nói riêng bị khủng hoảng tài chính, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao trong giai đoạn này.

- Một điều rất đáng mừng là trong giai đoạn nghiên cứu thì nhân tố năng suất tổng hợp luôn đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và chiếm tỷ lệ cao nhất. Năng suất các yếu tố tổng hợp – Total Factor Productivity (TFP) phản ánh sự đóng góp của các yếu tố vô hình như kiến thức- kinh nghiệm- kỹ năng lao động, cơ cấu lại nền kinh tế hay hàng hoá - dịch vụ, chất lượng vốn đầu tư mà chủ yếu là chất lượng thiết bị công nghệ, kỹ năng quản lý, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý.... Tác động của nó không trực tiếp như năng suất bộ phận mà phải thông qua sự biến đổi của các yếu tố hữu hình, đặc biệt là lao động và vốn.

## **7. Một số khuyến nghị**

Nhằm tạo tiền đề cho quá trình trở thành tỉnh công nghiệp mang tính hiện đại, khai thác hết mọi nguồn lực của địa phương nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế, trên cơ sở những kết luận qua nghiên cứu và những định hướng phát triển của tỉnh, tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

- Mặc dù đầu tư công chưa thể hiện sự đóng góp trực tiếp. Tuy nhiên không thể thiếu vai trò của nguồn vốn này trong việc đầu tư hạ tầng, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, việc đầu tư cần phải xem xét hiệu quả cho từng thời điểm trong việc cân đối hài hòa với nhu cầu phát triển của địa phương, tránh lãng phí và kém phát huy hiệu quả.

- Quan tâm đến hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ngoài hiện nay để hạn chế những gian lận và tiêu cực, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế như các vấn đề chuyển giá, chuyển lợi nhuận bất hợp pháp, ô nhiễm môi trường. Quá trình thu hút vốn đầu tư phải lựa chọn những ngành nghề mang tính sử dụng nhiều trình độ công nghệ, giá trị gia tăng cao. Đồng thời lựa chọn những nhà đầu tư từ những nước có uy tín đạo đức kinh doanh tốt.

- Có chính sách khuyến khích rõ ràng cụ thể đối với các hoạt động đầu tư tư nhân trong nước hoạt động tại địa phương. Đây là nguồn lực phát triển mang tính ổn định và bền vững. Số liệu nghiên cứu đã chứng minh sự đóng góp đáng kể của nguồn lực này trong quá trình tăng trưởng kinh tế của tỉnh, thậm chí còn cao hơn mức đóng góp của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Do vậy, tỉnh có những chính sách mang tính ưu đãi các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tạo điều kiện cho người dân bỏ vốn đầu tư.

- Qua nghiên cứu thì lao động chưa đóng góp vào tăng trưởng. Đây là điều rất đáng lo ngại cho sự tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu. Năng suất, giá trị đóng góp của lao động là biểu hiện chất lượng của nguồn nhân lực của địa phương. Do vậy, tỉnh Đồng Nai trong quá trình tận dụng các nguồn lực cho phát triển, cần chú ý đến các vấn đề như: Phát triển giáo dục, đào tạo nghề, gắn với quá trình phát triển, ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất; lựa chọn thu hút ngành nghề đầu tư có hàm lượng giá trị gia tăng cao. Quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo nghề trên địa bàn như các trường: Đại học Đồng Nai; Đại học Lạc Hồng; Đại học Công nghệ Đồng Nai; các trường đào tạo nghề...

---

**THE CONTRIBUTION OF FOREIGN INVESTMENT CAPITAL  
TO THE ECONOMIC GROWTH OF DONG NAI PRINCE – AN APPROACH  
TO COBB-DOUGLAS PRODUCTION FUNCTION**

**ABSTRACT**

*In this paper, the authors analyzed, evaluated the contribution of all kinds of resources for the growth of the province. Specifically, researching the contributions from the state capital, private investment in the country; capital foreign direct investment, labor and total factor productivity. Results indicated that: The capital and labor have certain contributions to economic growth in the order of decreasing the level of government investment, private investment in the country; capital of foreign direct investment and labor. Particularly, total factor productivity (technological level, labor productivity, the management level ... this is the indicator which shows the quality of economic growth) over the period 2000 to 2014 are not shown to contribute to growth of Dong Nai province. However, according to the study, the total factor productivity is increasingly tend asymptotically to contribute to the growth of the local economy.*

**Keywords:** *state capital, private investment in the country; capital foreign direct investment, Dong Nai.*